

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/HS-PT

Ngày: 26/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Lê Xuân Hải.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Hữu T và đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Hữu T**, sinh ngày: 02/02/1986, tại Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Trần Hữu N, sinh năm 1950. Họ tên mẹ: Từ Thị E, sinh năm 1950. Vợ: Nguyễn Thị Lệ X, sinh năm 1986. Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án: không. Tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi “Khai thác rừng trái pháp luật và mua bán lâm sản trái pháp luật”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến ngày 20/8/2022. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. **Lương Đại L**, sinh ngày: 17/5/1994, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Gia lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 09/12. Họ tên cha: Lương Tiến C, sinh năm 1972. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1971. Vợ: Triệu Thị Hồng N, sinh năm 1997. Con: có 01

con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. **Đào Văn H**, sinh ngày: 02/10/1995, tại Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 07/12. Họ tên cha: Đào Văn L, sinh năm 1959. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Vợ: Trần Thị V, sinh năm 1996. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 16/8/2022. Áp dụng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

4. **Lê Đăng T**, sinh ngày: 01/01/1988, tại Hưng Yên; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 05/12. Họ tên cha: Lê Đăng B, sinh năm 1966. Họ tên mẹ: Phạm Thị B, sinh năm 1963. Vợ: Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1992. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án: có 01 tiền án về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. **Lê Đăng T**, sinh ngày: 19/07/1989, tại Hưng Yên; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 04/12. Họ tên cha: Lê Đăng G (đã chết). Họ tên mẹ: Vũ Thị M (đã chết). Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1997. Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. **Lê Đăng C**, sinh ngày: 02/02/1993, tại tỉnh Hưng Yên; tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 06/12. Họ tên cha: Lê Đăng B, sinh năm 1966. Họ tên mẹ: Phạm Thị B, sinh năm 1963. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. **Nguyễn Văn N**, sinh ngày: 07/01/1993, tại Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 10/12. Họ tên cha: Nguyễn Đình D, (chết), Họ tên mẹ: Bùi Thị Q, sinh năm 1946. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. **Hà Văn P**, sinh ngày: 18/10/1993, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Chức vụ: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Hà Văn P, sinh năm 1965 (đã chết). Họ tên mẹ: Nhâm Thị T, sinh năm 1972. **Vợ con chưa có**. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. **Trần Văn K**, sinh ngày: 02/04/1986, tại Nam Định; nơi cư trú: tỉnh Gia lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông.

Chức vụ: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Họ tên cha: Trần Văn D, sinh năm 1958. Họ tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1959. Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. **Nhâm Ngọc Q**, sinh ngày: 18/04/1987, tại Thái Bình; nơi cư trú: tỉnh Gia lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 06/12. Họ tên cha: Nhâm Văn H, (đã chết). Họ tên mẹ: Phạm Thị L, sinh năm 1944. Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. **Đào Văn D**, sinh ngày: 03/7/1989, tại: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 0/12. Họ tên cha: Đào Văn L, sinh năm 1959. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày: 23/9/1993, tại Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 08/12. Họ tên cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1953. Họ tên mẹ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1962. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2001. Con: có 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. **Trần Văn T**, sinh ngày: 27/01/1977, tại Nam Định; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 07/12. Họ tên cha: Trần Văn T, sinh năm 1951. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1949. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. **Phạm Trung K**, sinh ngày: 14/01/1999, tại Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 11/12. Họ tên cha: Phạm Mạnh C, sinh năm 1977. Họ tên mẹ: Lê Thị V, sinh năm 1978. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày: 05/05/1999, tại Gia Lai; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Nguyễn Đức H, sinh năm 1964. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1970. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/5/2022 đến ngày 17/8/2022. Áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 18/8/2022 đến ngày 22/9/2022. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

16. **Lý Xuân T**, sinh ngày: 12/12/1989, tại Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 06/12. Họ tên cha: Lý Xuân C, sinh năm 1965. Họ tên mẹ: Lê Thị Kim P, sinh năm 1967. Vợ: Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1985. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

17. **Nguyễn Đăng K**, sinh ngày: 17/10/1988, tại Quảng Trị; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên cha: Nguyễn Đăng S, sinh năm 1965. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1967. Vợ: Cái Thị T, sinh năm 1990. Con: có 01 con, sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Xuân T: Bà Nguyễn Thị Hồng T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Bình Định, có mặt

- Bị hại: Công ty TNHH Lâm Nghiệp S – người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn H - sinh năm: 1973, địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Dương Ngọc H – sinh năm: 1979, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện V, địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt

+ Ông Đặng Minh H – sinh năm: 1979, Nhân viên Hạt kiểm lâm huyện V, địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt

+ Ông Huỳnh Thiên T – sinh năm: 1978, Nhân viên Ban quản lý rừng Phòng hộ huyện V, địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt

+ Nguyễn Mộng H, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào thời gian cuối tháng 02/2022, Nguyễn Mộng H và Trần Hữu T có liên lạc, trao đổi, bàn bạc với nhau về việc khai thác gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc tiểu khu 168, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định. H và T thỏa thuận như sau: Tn chịu trách nhiệm thuê người khai thác gỗ bán cho H với giá 15.000.000 đồng/m³, H chịu trách nhiệm vận chuyển gỗ đem đi bán và chở thêm cho T 01m³ gỗ xẻ, Thiên phụ trách việc cảnh giới lực lượng chức năng bên trong rừng trong quá trình khai thác gỗ, H cảnh giới lực lượng chức năng ngoài đường ĐT637 trong quá trình khai thác gỗ và thuê xe ô tô tải để vận chuyển gỗ đi bán.

Sau khi H và T thống nhất thỏa thuận thì T gọi điện thuê Lương Đại L để khai thác gỗ cho T thì L đồng ý khai thác gỗ với giá 13.000.000 đồng/m³ và khai thác được khối lượng bao nhiêu thì sẽ trích lại cho T số tiền 1.000.000 đồng/m³ gỗ xẻ, phần còn lại trừ vào chi phí phục vụ khai thác gỗ thì sẽ chia đều cho tất cả những người tham gia khai thác gỗ (kể cả T).

Đối với Nguyễn Mộng H thì H gọi điện cho Đào Văn H liên lạc với L dẫn chỉ vị trí các cây gỗ Giỏi tại khu vực Thủy điện K thuộc tiểu khu 168, xã V để khai thác cho H và T, đồng thời H gọi điện cho Nguyễn Đăng K thuê xe ô tô của K để chở gỗ với giá 4.000.000 đồng/m³ thì K đồng ý.

Vào ngày 28/02/2022, H cùng với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N và Hà Văn P đi đến khu vực đường vào Thủy điện K, xã V thuộc khoảnh 14, tiểu khu 168, xã V, huyện V xem trước 03 cây gỗ Giỏi để chuẩn bị khai thác, sau khi đi xem cây xong Hùng về nói lại cho H và L biết để tiến hành khai thác.

Đến sáng ngày 01/3/2022, H gọi điện thoại thông báo cho H biết là tối cùng ngày sẽ tiến hành khai thác gỗ và bảo H đi làm cùng với nhóm của L. Khi đó, H có rủ thêm Đào Văn D và Trần Văn T để đi khai thác gỗ thì D và T đồng ý. Ngoài ra, T gọi điện thoại cho L thông báo sẽ tiến hành khai thác vào tối cùng ngày thì L rủ Lê Đăng T bảo T gọi thêm người và chuẩn bị công cụ, phương tiện để khai thác gỗ thì T đồng ý. T gọi rủ thêm Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thanh S, Hà Văn P, Nhâm Ngọc Q, Trần Văn K và Nguyễn Văn H cùng đi khai thác gỗ thì những người này đồng ý. Ngoài ra, Lê Đăng T còn rủ thêm Phạm Trung K đi làm cùng với nhóm của L. Sau đó, nhóm của L chuẩn bị 04 chiếc xe mô tô độ chế dùng để tăng bo gỗ rồi liên lạc với T để tìm xe tải chở đến nơi khai thác. Lúc này, T liên lạc cho H dùng xe ô tô tải đã thuê để chở 04 xe mô tô độ chế trên thì H gọi điện thoại cho K điều khiển xe ô tô tải đến xã S, huyện K gặp H dẫn đi chở đồ để khai thác gỗ thì K đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe ô tô tải biển số 81L - 4596 đến gặp H dẫn chỉ vào nhà T để chở 04 xe mô tô độ chế này. T đi mua xăng, nhớt, giữa, nước uống và chuẩn bị 04 bộ đàm dùng để liên lạc phục vụ việc canh đường, canh giới lực lượng chức năng trong quá trình khai thác gỗ.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, nhóm đối tượng gồm: Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Nguyễn Văn N, Lê Đăng T, Lê Đăng C, Nhâm Ngọc Q, Trần Văn K, Phạm Trung K, Đào Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh S và Hà Văn P sử dụng 07 xe mô tô và mang theo 03 máy cưa xăng, rựa, đèn pin đi đến khu vực rừng thuộc tiểu khu 168, xã V để khai thác gỗ trái phép. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Mộng H đi cùng với Lý Xuân T đến gặp nhóm của L đang ngồi tập trung trong bìa rừng thuộc tiểu khu 168, xã V thì H nói “*Sao chưa đi làm*”, Lg trả lời “*Chờ anh T lên rồi đi làm*”. Lúc này, T lấy ra 02 bộ đàm đưa cho H để liên lạc, H giao cho T 01 bộ đàm và phân công T đi lên hướng xã V để canh giới lực lượng chức năng khi phát hiện thông tin thì điện đàm cho nhau, còn H đi xuống hướng thị trấn V theo

tuyến đường ĐT637 để cảnh giới lực lượng chức năng dọc theo tuyến đường này. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Trần Hữu T đi từ thị trấn V lên khu vực bãi đá Hiếu Ngọc, xã V gặp H thì H nói với T “*tụi nó chờ mày trên đó, lên coi sắp xếp cho tụi nó làm đi*” thì T đồng ý đi lên hướng xã V, đồng thời H liên lạc bảo K điều khiển xe ô tô tải đến khu vực đường tránh ĐT637 (đường tránh Hồ Đ) để vận chuyển gỗ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Hữu T đến gặp nhóm của L và nói “*đi làm đi*” thì nhóm của L gồm 14 người đi sâu vào rừng đến vị trí gốc cây Giỏi đã xem từ trước để khai thác, khi đó Nguyễn Thanh S, Trần Văn K và Phạm Trung K dùng rựa phát dọn đường đến vị trí gốc cây, L dùng máy cưa xăng cưa hạ cây số 01 (*theo sơ đồ khám nghiệm hiện trường ngày 09/3/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện V*) rồi dứt (xẻ) thành từng bi (lóng). Sau đó, Lê Đăng T, Nhâm Ngọc Q, Trần Văn T, Lê Đăng T1, Đào Văn H lần lượt thay nhau dùng máy cưa xẻ gỗ thành từng tấm theo quy cách dài 02 mét, rộng từ 30 cm đến 60 cm, dày khoảng từ 15 cm đến 25 cm, những người còn lại gồm Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Trung k, Hà Văn Ptham gia búng mực và phụ lật gỗ còn Nguyễn Văn N và Lê Đăng C cảnh giới lực lượng chức năng gần vị trí khai thác gỗ. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe ô tô tải biển số 81L-4596 chờ theo 04 xe mô tô độ chế đến hiện trường thì Lê Đăng Th, Lê Đăng T, Trần Văn K và Lê Đăng C đến nhận và điều khiển để tăng bo (chuyển) gỗ từ vị trí gốc cây đến vị trí tập kết gỗ, Nguyễn Văn H có nhiệm vụ đứng tại bãi gỗ để hất gỗ từ trên xe mô tô xuống vị trí tập kết rồi sau đó cùng với những người còn lại khiêng (bốc) gỗ lên xe ô tô tải biển số 81L-4596. Sau khi cưa xẻ xong cây số 01 thì nhóm của L tiếp tục đến vị trí gốc cây số 02 (*theo sơ đồ khám nghiệm hiện trường ngày 09/3/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện V*) để khai thác, L dùng máy cưa xăng trực tiếp cưa hạ cây số 02 và công việc của những người còn lại tương tự như khai thác cây số 01. Sau khi cưa xẻ xong cây số 02 thì nhóm của L tiếp tục đến vị trí gốc cây số 03 (*theo sơ đồ khám nghiệm hiện trường ngày 09/3/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện V*) để khai thác, lúc này Q dùng máy cưa xăng cưa hạ cây rồi Lê Đăng T, Lương Đại L, Trần Văn T, Đào Văn H thay nhau cưa xẻ gỗ thành từng tấm theo quy cách giống như cây số 01 và cây số 02, những người còn lại mỗi người một nhiệm vụ tương tự như việc khai thác 02 cây gỗ Giỏi trước đó.

Mặt khác, trong lúc cảnh giới lực lượng chức năng thì H gọi điện cho Võ Văn P để mượn xe ô tô tải biển số 81L – 4596 của P và nhờ P lái xe này đến V giao xe cho Bùi Văn B để chở hàng, rồi H gọi điện thoại cho B nhờ B nhận xe từ P và lái xe lên khu vực Thủy điện K để chở hàng nhưng do B bận công việc không đi được nên nhờ Lê Văn S chở thay và nhắn tin số điện thoại của H để S tự liên lạc. Sau đó, H chờ đón S và hướng dẫn lái xe đến khu vực đường vào Thủy điện K sẽ có người đón dẫn chỉ đường đi. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/3/2022, S điều khiển xe ô tô đến vị trí tập kết gỗ thì nhóm của L tập trung lại tham gia khiêng (bốc) gỗ lên xe đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì bốc xong nên cả nhóm thu dọn đồ đạc để đi về. Trong quá trình vận chuyển gỗ đi tiêu thụ thì bị phát hiện.

Ngày 15/3/2022, Trung tâm quy hoạch Nông nghiệp, Nông thôn tỉnh Bình Định có Thông báo giám định gỗ khai thác trái pháp luật số 38/TB-TTQH, thông báo kết quả giám định thiệt hại 03 cây gỗ khai thác trái pháp luật, tại khoảnh 14, tiểu khu 168, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định: Số lượng: 03 cây; loài cây: gỗ Giổi, nhóm III; Khối lượng: 15,83m³ gỗ tròn.

Ngày 30/3/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V có kết luận giá trị của 15,83m³ gỗ tròn, loại gỗ Giổi, nhóm III là 165.480.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm m khoản 2, khoản 4 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 54 của Bộ Luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng H, Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Lý Xuân T, Nguyễn Đăng K phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng H 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 đến ngày 20/8/2022).

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến ngày 20/8/2022).

2. 3. Xử phạt bị cáo Lương Đại L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022).

2.4. Xử phạt bị cáo Đào Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 17/8/2022)

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Đăng T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022).

2.6. Xử phạt bị cáo Lê Đăng T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.7. Xử phạt bị cáo Lê Đăng C 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.9. Xử phạt bị cáo Hà Văn P 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.10. Xử phạt bị cáo Trần Văn K 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.11. Xử phạt bị cáo Nhâm Ngọc Q 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.12. Xử phạt bị cáo Đào Văn D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.13. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.14. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.15. Xử phạt bị cáo Phạm Trung K 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.16. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. (Được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 26/5/2022 đến ngày 17/8/2022).

2.17. Xử phạt bị cáo Lý Xuân T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lý Xuân T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2.18. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Khánh 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/5/2024 và ngày 09/5/2024, các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Đăng K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo Lý Xuân T kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt tiền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn Hg, Lê Đăng T, Lê Đăng T, Lê Đăng C, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Đăng K; Đề nghị chấp nhận kháng

cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn T, Lý Xuân T, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Lý Xuân T.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Xuân T trình bày bào chữa: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo còn phải nuôi gia đình nên khi Nguyễn Mộng H bảo bị cáo T đi theo giúp việc cho H nên bị cáo T đồng ý và công việc là giữ bộ đàm để cảnh giới. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, chưa có nhà ở ổn định còn ở nhà người thân, vợ bị cáo mới chết, bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo cố gắng vay mượn tiền để khắc phục hậu quả 10 triệu đồng. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

Các bị cáo Nguyễn Mộng H và Trần Hữu T đã bàn bạc thống nhất về việc khai thác gỗ trái phép. Bị cáo T chịu trách nhiệm thuê người khai thác gỗ bán cho bị cáo H, bị cáo H chịu trách nhiệm vận chuyển gỗ. Bị cáo T phụ trách việc cảnh giới lực lượng chức năng bên trong rừng, bị cáo H cảnh giới lực lượng chức năng ngoài đường.

Bị cáo T thuê bị cáo Lương Đại L chịu trách nhiệm khai thác gỗ. Bị cáo bị cáo Lương Đại L cùng các bị cáo Lê Đăng T, Đào Văn H, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nhâm Ngọc Q, Trần Văn K, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Nguyễn Văn H, Phạm Trung K, Đào Văn D, Trần Văn T và Nguyễn Thanh S đã trực tiếp khai thác trái phép 03 cây gỗ Giổi có khối lượng 15,83m³ gỗ tròn, giá trị thiệt hại 165.480.000 đồng với sự giúp sức của Lý Xuân T và Nguyễn Đăng K. Đây là vụ án hình sự các bị cáo phạm tội có tổ chức vì có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, mỗi bị cáo giữ các vai trò khác nhau trong vụ án và có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng từng người, chuẩn bị các công cụ, phương tiện khi thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn

Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Lý Xuân T, Nguyễn Đăng K, HĐXX xét thấy:

- Đối với bị cáo Trần Hữu T: Bị cáo cùng bị cáo Nguyễn Mộng H là những người đã trực tiếp khởi xướng, thống nhất thời gian, địa điểm, phân công cho các bị cáo khác chuẩn bị công cụ, phương tiện để khai thác. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T 21 tháng tù là nhẹ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với các bị cáo gồm Lê Đăng T, Lê Đăng C, Hà Văn P, Trần Văn K, Phạm Trung K, Trần Văn Th, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thanh S, Nhâm Ngọc Q, Nguyễn Văn H, Đào Văn D được bị cáo T thuê để trực tiếp khai thác, mỗi bị cáo làm 01 nhiệm vụ, người thì phát dọn đường, người thì cưa, người thì phụ lật, người búng mực, người thay sên, người cảnh giới, người thì tăng bo gỗ đến điểm tập kết, do đó, hành vi của các bị cáo đã đồng phạm về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” với vai trò là người thực hành. Cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp với vai trò của các bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với bị cáo Lý Xuân T và Nguyễn Đăng K: Bị cáo T được Nguyễn Mộng H giao cho bộ đàm phân công làm nhiệm vụ cảnh giới lực lượng chức năng. K là người đã trực tiếp điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 81L - 4596 chở 04 chiếc xe mô tô độ chế đến hiện trường để cho các bị cáo khác tăng bo (vận chuyển gỗ đến nơi tập kết). Hành vi của bị cáo T và K là tạo điều kiện về mặt tinh thần và vật chất cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, do đó cả T và K đều đồng phạm về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” với vai trò là người giúp sức. Cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với vai trò của các bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin miễn hình phạt tiền: HĐXX xét thấy bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn; vợ chết phải trực tiếp nuôi 02 con còn nhỏ nên miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b, đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Đăng K không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án

phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Lý Xuân T được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Lý Xuân T, Nguyễn Đăng K, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lý Xuân T.

2. Căn cứ vào điểm m khoản 2, khoản 4 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 54 của Bộ Luật hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 21 (Hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến ngày 20/8/2022).

2. 2. Xử phạt bị cáo Lương Đại L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022).

2.3. Xử phạt bị cáo Đào Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 17/8/2022)

2.4. Xử phạt bị cáo Lê Đăng T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 20/8/2022).

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Đăng T1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.6. Xử phạt bị cáo Lê Đăng C 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.8. Xử phạt bị cáo Hà Văn P 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.9. Xử phạt bị cáo Trần Văn K 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.10. Xử phạt bị cáo Nhâm Ngọc Q 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.11. Xử phạt bị cáo Đào Văn D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.13. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.14. Xử phạt bị cáo Phạm Trung K 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.15. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. (Được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 26/5/2022 đến ngày 17/8/2022).

2.16. Xử phạt bị cáo Lý Xuân T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn phạt bổ sung hình phạt tiền đối với bị cáo Lý Xuân T.

2.17. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí phúc thẩm:

3.1. Các bị cáo Trần Hữu T, Lương Đại L, Đào Văn H, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Lê Đăng C, Nguyễn Văn N, Hà Văn P, Trần Văn K, Nhâm Ngọc Q, Đào Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Phạm Trung K, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Đăng K mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lý Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQHSNVCSCA tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA huyện V;
- Cơ quan THAHS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình